

Bản án số: 524/2017/LĐ-PT
Ngày: 12-6-2017
V/v Tranh chấp Đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Sang

Ông Hồ Minh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan
Ngọc Khanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 08/2017/TLPT-LĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017, về việc tranh chấp “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2017/LĐ-ST ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1192/2017/QĐ – PT ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: đường Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông luật sư P (có mặt).

Địa chỉ: đường P, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành viên Công ty Luật TNHH B, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông L – Giám đốc (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ T, Khu phố K, phường T, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà luật sư M (có mặt)

Địa chỉ: Cao ốc C, Phường P1, Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng luật sư M, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

3. *Người kháng cáo:* Công ty H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 02/6/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T trình bày:

Ông và bị đơn Công ty H (sau đây gọi tắt là Công ty) ký kết bản thỏa thuận với nội dung: Thời hạn làm việc 01 năm từ ngày 21/3/2016 đến ngày 31/3/2017, chức danh Giám đốc điều hành, mức lương 18.000.000 đồng/tháng. Tại cuộc họp ngày 07/5/2016, Công ty cho chấm dứt hợp đồng lao động với ông vì đã ứng nhiều tiền. Khi đến Công ty làm việc vào ngày 09/5/2016, ông được bà L (em của Giám đốc) thông báo Công ty sẽ cho ông nghỉ việc. Ngày 10/5/2016, ông vẫn đi làm bình thường. Ngày 12/5/2016, Công ty ban hành Quyết định chấm dứt thỏa thuận công việc đối với ông, Quyết định này không có số. Ngoài ra, Công ty cũng gửi Thông báo khẩn về sự việc để các Phòng Công chứng không làm việc với ông, làm ảnh hưởng đến uy tín danh dự của ông.

Nay nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty H giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên bố Quyết định chấm dứt thỏa thuận công việc không số, ngày 12/5/2016 của Công ty H là trái pháp luật và buộc Công ty nhận ông trở lại làm việc;

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là: 36.000.000 đồng;

- Trả lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01/5/2016 đến ngày 11/01/2017 theo mức lương 18.000.000 đồng/tháng;

- Yêu cầu Công ty ra quyết định đính chính tất cả nội dung cho thôi việc mà Công ty đã gửi cho khách hàng làm ảnh hưởng đến danh dự của ông;

- Trả tiền lương tháng 4/2016 chưa được nhận là 23.330.000 đồng + 6.667.000 đồng. Ông đã nhận tạm ứng 49.000.000 đồng và đã chi công tác 8.500.000 đồng, ông yêu cầu cân trừ và sẽ hoàn trả phần còn lại cho Công ty;

- Đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2016 đến ngày xét xử vụ án;

- Ông xác định rút yêu cầu bồi thường thiệt hại trong những ngày không được báo trước cho nghỉ việc là 18.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty H do ông L là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty có ký thỏa thuận làm việc với nguyên đơn, thời hạn là 01 năm. Hơn một tháng làm việc tại Công ty, ông T đã được ứng số tiền 49.000.000 đồng nhưng không có chứng từ thể hiện đã chi vào việc gì; ngoài ra hồ sơ cá nhân của ông T thiếu bản sao có chứng thực, nên ngày 09/5/2016, Công ty mở cuộc họp và ra Quyết định tạm dừng công việc với ông T để yêu cầu ông T phải bổ sung. Tuy nhiên, ông T nói sẽ không làm việc với Công ty nữa nên Công ty đã ban hành Quyết định chấm dứt thỏa thuận công việc với ông T. Sau đó, ông T mở công ty khác kinh doanh cùng ngành nghề với bị đơn nên Công ty đã gửi thông báo đến các khách hàng là các Phòng Công chứng về sự việc trên nhằm tránh các thiệt hại nếu có cho Công ty. Trước các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý do việc chấm dứt hợp đồng lao động là theo yêu cầu của chính nguyên đơn.

Ông T làm việc tại Công ty từ ngày 21/3/2016 đến ngày 09/5/2016, Công ty đã trả lương đến ngày 31/3/2016. Công ty đồng ý thanh toán lương cho ông T từ ngày 01/4/2016 đến ngày 09/5/2016 là 23.330.000 đồng, yêu cầu ông T phải hoàn trả số tiền còn lại sau khi trừ vào số tiền tạm ứng 49.000.000 đồng mà ông T đã nhận.

Công ty có yêu cầu phản tố, đòi ông T phải bồi thường 10.000.000 đồng do ông T đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty và 10.000.000 đồng chi phí đi lại ảnh hưởng đến công việc.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2017/LĐ-ST ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92 và Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 38 và Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp lao động “do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” của ông T đối với Công ty H.

1.1. Tuyên bố Quyết định chấm dứt thỏa thuận công việc không số do Công ty H ký ngày 12/5/2016 là trái pháp luật.

1.2. Buộc Công ty H có trách nhiệm bồi thường cho ông T số tiền 154.300.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại do không thông báo trước khi chấm dứt hợp đồng.

1.4. Buộc Công ty H phải nhận ông T trở lại làm việc theo bản thỏa thuận lao động mà hai bên đã ký ngày 21/3/2016.

1.5. Công ty H có trách nhiệm thu hồi Thông báo khẩn không ngày có in hình ông T mà Công ty H đã gửi cho các Phòng Công chứng vào tháng 5/2016; và thông báo đến các đối tác của công ty nội dung là “giữa Công ty H và ông T đã chấm dứt quan hệ lao động từ ngày 12/5/2016, công ty không chịu trách nhiệm về những hành vi của ông T nhân danh Công ty kể từ ngày 09/5/2016 đến ngày công ty nhận ông T trở lại làm việc”.

1.6. Công ty H và ông T có trách nhiệm đóng Bảo hiểm xã hội cho ông T theo quy định của pháp luật về bảo hiểm, thời gian đóng bảo hiểm tính từ ngày 21/3/2016 đến ngày 11/01/2017 trên mức lương 18.000.000 đồng/tháng. Số tiền Công ty H phải nộp là 39.600.000 đồng, ông T phải nộp là 18.900.000 đồng.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty H về việc ông T phải bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng do chấm dứt hợp đồng lao động, bồi thường 10.000.000 đồng là chi phí đi lại.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn Công ty H về việc đòi ông T hoàn trả tiền tạm ứng lương. Ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả tiền tạm ứng.

Ngày 20/01/2017, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty H, kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn do ông L là người đại diện theo pháp luật giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với Bản án sơ thẩm tuyên Công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật với lý do Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là do ông T tự tuyên bố nghỉ việc. Căn cứ cho việc thỏa thuận này là tại cuộc họp ngày 09/5/2016, ông T tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty. Theo ông L ngay tại cuộc họp nêu trên không lập biên bản, nhưng Công ty đã lập Biên bản xác nhận lại sự việc có chữ ký của tất cả nhân viên Công ty cùng tham gia và đề nghị đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, yêu cầu ông T trả lại số tiền tạm ứng của Công ty là 49.000.000 đồng, Công ty xác nhận chưa trả lương cho ông T từ ngày 01/4/2016 và đồng ý trả cho ông T tiền lương còn thiếu là 23.330.000 đồng từ ngày 01/4/2016 đến ngày 12/5/2016. Ngoài ra, ông L cũng thừa nhận, ngay sau buổi họp ngày 09/5/2016 chính ông L yêu cầu không cho ông T đến Công ty làm việc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà luật sư M trình bày Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, nay đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

Nguyên đơn ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời xác định ông không xin thôi việc như ý kiến của Công ty trình bày, Biên bản cuộc họp ngày 09/5/2016 do Công ty tự lập không có chữ ký của ông. Do đó, Công ty ban hành Quyết định chấm dứt thỏa thuận công việc ngày 12/5/2016 với nguyên đơn là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Nay ông yêu cầu Công ty phải bồi thường cho ông trong những ngày không được làm việc tính đến ngày xét xử phúc thẩm, bao gồm tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội theo quy định và bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Nguyên đơn đồng ý trả cho Công ty số tiền 49.000.000 đồng đã tạm ứng và xác nhận đã nhận đủ số tiền lương 6.667.000 đồng. Không đồng ý với yêu cầu của bị đơn triệu tập những người làm chứng tham gia phiên tòa phúc thẩm vì những người này hiện là nhân viên của Công ty, sẽ không khách quan. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông luật sư P đề nghị giải quyết bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn do bị Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và phải trả lương trong những ngày không được làm việc tính đến ngày xét xử phúc thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là trái pháp luật. Tuy nhiên, trong phần án phí Tòa án cấp sơ thẩm đã căn trừ số tiền bị đơn phải trả vào nghĩa vụ trả tiền tạm ứng 49.000.000 đồng của nguyên đơn để tính án phí là không đúng quy định, cần sửa lại phần này. Đồng thời, cần giải

quyết bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật theo Thỏa thuận công việc đã ký có thời hạn kết thúc vào ngày 31/3/2017.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

Sau khi Hội đồng xét xử nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty H do ông L là người đại diện theo pháp luật được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đương sự đã đóng tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức.

Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn nêu Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là do ông T tuyên bố xin nghỉ việc ngay tại cuộc họp ngày 09/5/2016. Căn cứ cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Biên bản họp về việc xác nhận nội dung cuộc họp ngày 09/5/2016 của Công ty. Nguyên đơn ông T không đồng ý với ý kiến của Công ty nêu ông xin nghỉ việc tại cuộc họp ngày 09/5/2016, không đồng ý với nội dung của Biên bản xác nhận lại cuộc họp ngày 09/5/2016 do Công ty cung cấp với lý do không khách quan. Do đó, vấn đề cần đặt ra để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét là Quyết định về việc chấm dứt thỏa thuận công việc ngày 12/5/2016 của Công ty đối với ông T có phải là do hai bên đương sự tự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hay không, để làm căn cứ giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày 21/3/2016 về việc thỏa thuận làm việc giữa Công ty và ông T, với nội dung: Chức danh: Phó giám đốc điều hành. Thời hạn thỏa thuận từ ngày 21/3/2016 đến hết ngày 31/3/2017. Mức lương 18.000.000 đồng. Ông T đã làm việc theo Bản thỏa thuận đến ngày 12/5/2016 Công ty ban hành Quyết định về việc chấm dứt thỏa thuận công việc.

Xét Biên bản họp về việc xác nhận nội dung cuộc họp ngày 09/5/2016, được lập ngày 10/5/2016 của Công ty có nội dung: “*hôm nay giám đốc L làm ông T mất danh dự nên ông T xin nghỉ công việc ngay bây giờ và ông T sẽ hoàn trả lại đầy đủ số tiền này cho Công ty.*” Có chữ ký của giám đốc Công ty và chữ ký xác nhận đại diện nhân viên Công ty, nhưng không có chữ ký của ông T,

không được ông T thừa nhận nội dung này. Mặt khác, tại phiên tòa Công ty đề nghị triệu tập người làm chứng là những người tham gia cuộc họp ngày 09/5/2017, cụ thể là bà T nhằm xác nhận nội dung ông T tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động. Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung cuộc họp được bị đơn xác nhận làm sau cuộc họp, người làm chứng hiện đang là nhân viên của Công ty; nguyên đơn không thừa nhận nội dung cuộc họp do Công ty cung cấp. Do đó, không thể công nhận nội dung Biên bản cuộc họp ngày 09/5/2016 làm căn cứ để giải quyết vụ án theo yêu cầu của Công ty, vì không khách quan.

Xét Quyết định về việc chấm dứt thỏa thuận công việc ngày 12/5/2016 của Công ty có nội dung: *“Căn cứ và quyết định tạm dừng công việc ngày 09/05/2016. Căn cứ nhân chứng và nội dung tin nhắn, hình ảnh đến công việc kích động bôi nhọ làm ảnh hưởng đến công việc và uy tín Giám đốc công ty TNHH MTV H. Quyết định Điều 1: Chấm dứt, thanh lý thỏa thuận công việc đối với Ông T từ ngày 12/05/2016.”* Không thể hiện nội dung Công ty và ông T thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động như trình bày của bị đơn.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định Công ty cho rằng Quyết định về việc chấm dứt thỏa thuận công việc ngày 12/5/2016 của Công ty do hai bên tự thỏa thuận chấm dứt là không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, không phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2012; vi phạm các quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Do xác định Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, cần buộc Công ty thực hiện trách nhiệm của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012, như sau:

Mức lương làm căn cứ cho việc bồi thường xác định theo tiền lương của hợp đồng lao động là 18.000.000 đồng. Nguyên đơn nêu chưa nhận lương từ ngày 01/4/2016 đến khi nghỉ việc và được bị đơn thừa nhận. Căn cứ bản thỏa thuận công việc ngày 21/3/2016 có thời hạn kết thúc vào ngày 31/3/2017. Do đó cần xác định tiền lương Công ty phải trả bao gồm tiền lương chưa thanh toán và tiền lương trong những ngày không được làm việc tổng cộng là 12 tháng. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử chỉ giải quyết đến ngày xét xử sơ thẩm, nhưng đến nay hợp đồng lao động đã hết do đó cũng cần sửa lại phần này để giải quyết triệt để vụ án. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền: 12 (tháng) x 18.000.000 (đồng/tháng) = 216.000.000 đồng.

Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là: 02 (tháng) x 18.000.000 (đồng/tháng) = 36.000.000 đồng.

Tổng cộng Công ty phải trả cho nguyên đơn số tiền:

216.000.000 đồng + 36.000.000 đồng = 252.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi tiền bảo hiểm xã hội trong thời gian làm việc theo thỏa thuận, chưa được Công ty thực hiện. Công ty nêu tiền lương 18.000.000 đồng theo thỏa thuận đã bao gồm tiền đóng bảo hiểm xã hội, nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Bản thỏa thuận ngày 21/3/2016 về việc thỏa thuận làm việc giữa Công ty và ông T, có nội dung: “ Điều 5: điều khoản thi hành. Những vấn đề không ghi trong thỏa thuận công việc thì áp dụng quy định thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật.” Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012; quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Tuy nhiên, để giải quyết vụ án triệt để như nhận định ở trên, Công ty cũng phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông T là 12 (mười hai) tháng, cụ thể với số tiền $18.000.000 \times 22\% \times 12 = 47.520.000$ đồng. Buộc Công ty phải nộp số tiền 47.520.000 đồng cho ông T, trong thời gian ông T làm việc từ ngày 01/4/2016 đến ngày 31/3/2017, tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền. Đồng thời, phải có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông T sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nêu trên theo quy định của pháp luật. Ông T phải có nghĩa vụ liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để đóng tiếp số tiền của người lao động phải thực hiện theo quy định đối với thời gian và tiền lương tương ứng nêu trên.

Từ những phân tích nêu trên, cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền 10.000.000 đồng tiền thiệt hại do nguyên đơn chấm dứt hợp đồng lao động, và 10.000.000 đồng chi phí đi lại. Tổng cộng là 20.000.000 đồng.

Đồng thời, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Không có căn cứ giải quyết như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bồi thường cho đến ngày xét xử phúc thẩm.

Nguyên đơn đồng ý với yêu cầu của bị đơn là trả lại số tiền 49.000.000 đồng đã được ứng trước từ Công ty.

Như vậy, xét phải sửa án sơ thẩm theo các nội dung đã phân tích nêu trên.

Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với các khoản tiền cụ thể như sau:

- Số tiền 252.000.000 (hai trăm năm mươi hai triệu) đồng phải trả cho nguyên đơn: $252.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.600.000 \text{ đồng}$;

- Số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng yêu cầu phản tố không được chấp nhận: $20.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.000.000 \text{ đồng}$;

- Số tiền 47.520.000 (bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng phải đóng bảo hiểm xã hội tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền cho nguyên đơn: $47.520.000 \times 5\% = 2.376.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: Án phí lao động sơ thẩm bị đơn phải chịu là 15.976.000 (mười lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Án phí lao động phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 36, Điều 42; Điều 186 Bộ Luật lao động năm 2012;
- Điều 19, Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty H.

Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 02/2017/LĐ-ST ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với Công ty H.

1.1. Tuyên bố Quyết định chấm dứt thỏa thuận công việc không số do Công ty H ký ngày 12/5/2016 là trái pháp luật.

1.2. Buộc Công ty H có trách nhiệm bồi thường cho ông T số tiền 252.000.000 (Hai trăm năm mươi hai triệu) đồng khi án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Buộc Công ty H có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông T với số tiền 47.520.000 (Bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng cho thời gian làm việc từ ngày 01/4/2016 đến ngày 31/3/2017, tại cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền. Đồng thời, phải có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông T sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nêu trên.

1.4. Bản thỏa thuận lao động giữa Công ty H và ông T ký ngày 21/3/2016, hết hiệu lực kể từ ngày 31/3/2017.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông T về việc đòi Công ty H bồi thường thiệt hại do không thông báo trước khi chấm dứt hợp đồng.

3. Công ty H có trách nhiệm thu hồi Thông báo khẩn không ngày có in hình ông T mà Công ty H đã gửi cho các Phòng Công chứng vào tháng 5/2016;

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty H về việc buộc ông T phải bồi thường số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng do chấm dứt hợp đồng lao động và 10.000.000 (Mười triệu) đồng là chi phí đi lại.

5. Ông T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền tạm ứng lương là 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu) đồng cho Công ty H.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Án phí:

6.1. Án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch Công ty H phải chịu là 15.976.000 (Mười lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 385.000 (ba trăm tám mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0022697 ngày 23/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty H còn phải nộp thêm án phí sơ thẩm số tiền là 15.591.000 (mười lăm triệu năm trăm chín mươi một nghìn) đồng.

6.2. Án phí lao động phúc thẩm Công ty H không phải chịu, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo các Biên lai thu số 0023638 và 0023639 cùng ngày 20/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận Q;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q;
- Dương sự;
- Lưu (T17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)**

Châu Kim Anh